

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/DS-ST

Ngày: 4 - 10 - 2022.

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu
huỷ giấy chứng nhận QSD đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Bà Từ Thị Hải Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuan Mâu; Ông Mai Văn Ngọc.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Ngọc Nhân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 4/10/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2022/TLST ngày 7 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1513/2022/QĐXXST-DS ngày 07/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Quang M, bà Lê Thị C, trú tại thôn ST 2, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Bà C ủy quyền cho ông M thay mặt vợ chồng tham gia tố tụng, ông M có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trương Văn B, Luật sư Văn Phòng Luật sư C, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Bị đơn: ông Đỗ Trung Th, bà Võ Thị Tuyết T, trú tại địa chỉ số b, đường Lê Thành Đ, phường H, Th phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

+ Ủy ban nhân dân Th phố Đ do ông Hoàng Ngọc Đ, Chủ tịch UBND Th phố Đ đại diện theo pháp luật, có đơn xin xử vắng mặt. Người được ủy quyền: ông Lê Tuấn L, Phó phòng Tài nguyên và Môi trường Th phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có đơn đề nghị xử vắng mặt.

+ UBND xã Đ do ông Nguyễn Minh V, Chủ tịch UBND xã Đ đại diện theo pháp luật, có đơn đề nghị xử vắng mặt.

+ Ông Đặng Ngọc Tr, bà Lê Thị L, trú tại: số s, đường T, xã Đ, Th phố Đ, tỉnh Quảng Bình, xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Lương Thị L, trú tại: thôn M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các phiên hoà giải nguyên đơn ông Lê Quang M trình bày:

Năm 2011, gia đình chúng tôi nhận chuyển nhượng đất của anh, chị Nguyễn Xuân H, Lương Thị L thửa 321, tờ bản đồ 16 (Thửa đất này anh H nhận chuyển nhượng của ông Tr, bà L vào ngày 5/6/2009). Sau khi hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng, có công chứng tại Văn phòng Công chứng H, chúng tôi đã làm thủ tục đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật và đã được UBND Th phố Đ cấp giấy chứng nhận số BH 545346 ngày 15/9/2011, thửa đất số 321, tờ bản đồ 16, diện tích 152m² thuộc thôn D, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Sau khi được cấp giấy chứng nhận ông bà đã tiến hành xây dựng móng và tường thấp trên phần đất của mình bao quanh diện tích đất theo giấy chứng nhận đã được cấp, không xâm phạm vào đất của hộ liền kề nên không ai phản đối hay tranh chấp. Tháng 7/2021, gia đình ông bà phát hiện ông Đỗ Trung Th (mới mua lại đất của người khác thuê máy đào phá toàn bộ phần móng tường của gia đình ông bà, dọc theo ranh giới hai thửa đất với chiều dài của móng tường đã phá là 20 mét và lấn chiếm một phần đất của gia đình ông bà có chiều dài 20 mét, phía sau là 1.8 mét, phía trước là 0.4m diện tích lấn chiếm khoảng 22 m² làm biến dạng thửa đất ban đầu mà gia đình ông bà đã được cấp.

Ngày 07/7/2021, sau khi có đơn khiếu nại của gia đình ông bà, UBND xã Đ đã tổ chức hòa giải. Tại buổi hòa giải, ông Th trình bày ông đã mua đất của bà Ph, đất bà P mua lại của ông Tr, bà L và ông Th xuất trình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Th được UBND thành phố Đ cấp ngày 07/4/2017, thửa đất số 212, tờ bản đồ số 5, địa chỉ tại xã Đ. Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận của ông Th có sự sai trái vì giấy chứng nhận của ông Th cấp sau giấy chứng nhận của ông bà nhưng lại có phần diện tích chồng lên đất của gia đình ông bà. Ông Th mua lại đất bà Ph nhưng trước đây bà Ph không tranh chấp với gia đình ông bà. Nay ông Th đã phá tường rào, lấn chiếm đất đã cấp cho gia đình ông bà là xâm phạm quyền lợi ích hợp pháp của gia đình ông bà. Ông bà làm đơn yêu cầu Tòa án tỉnh Quảng Bình buộc ông Th, bà T phải trả lại phần đất lấn chiếm khoảng 22 m² và bồi thường thiệt hại tường rào ông Th đã phá dỡ để gia đình ông bà tiếp tục sử dụng diện tích theo giấy đã được cấp; Ông bà yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 03461 mang tên Đỗ Trung Th, Võ Thị Tuyết T do UBND thành phố Đ cấp ngày 07/4/2017 vì cấp sai vị trí.

Bị đơn ông Đỗ Trung Th, bà Võ Thị Tuyết T tại bản tự khai, biên bản hòa giải trình bày: Nguồn gốc thửa đất của ông bà là đất của ông Đặng Ngọc Tr, bà Nguyễn Thị Hồng L tách Th 5 thửa, đều mang tên ông Tr, bà L, trong đó có thửa

322, tờ bản đồ 16, sau này khi ông nhận chuyển nhượng từ bà Ph thì thửa đất này đổi Th thửa 212, tờ bản đồ số 5.

Ngày 10/8/2015, ông Tr, bà L chuyển nhượng thửa 322, tờ bản đồ 16 cho bà Đặng Thị P. Ngày 6/9/2016, bà P làm hợp đồng tặng cho bà Đặng Thị Ph và ngày 27/2/2017 bà Ph chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Th, bà T và ngày 07/4/2017, ông bà được UBND thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 515466. Năm 2021, gia đình ông Th, bà T có nhu cầu làm nhà ở nên ông Th có gọi ông M, ông Sơn là hai hộ liền kề đến để xác định lại ranh giới xây dựng nhưng không liên lạc được. Ông Th và ông Nguyễn Đình S thực hiện cắm mốc xác định vị trí lô đất dựa vào tọa độ địa chính các lô đất trong dãy đất số s đường Trần Nhật D xin được từ trung tâm địa chính thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình. Sau đó, gia đình xin cấp phép xây dựng tại thửa 212, tờ bản đồ số 5, diện tích 144m². Khi thực hiện việc xây móng làm nhà thì ông M xuất hiện nêu lý do có sai lệch về diện tích đất đang sở hữu, đề nghị tạm dừng để UBND xã Đ giải quyết và đã hòa giải không thành. Về phần tường rào, ông Th thừa nhận có tường rào ông M đã xây dựng cao 0,2 mét, xây bằng bờ lô. Tuy nhiên, đây là ranh giới tự ông M xác định, theo đo đạc thì phần tường rào đó đã lấn chiếm sang đất ông Th. Nếu Tòa xử ông Th sử dụng đất sai thì ông Th tự nguyện bồi thường thiệt hại.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án: UBND thành phố Đ tại văn bản số 377/UBND-TNMT ngày 21/3/2022 có ý kiến như sau: Theo hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cho UBND thành phố Đ ngày 02/3/2017, ông Đỗ Trung Th và bà Võ Thị Tuyết T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Đặng Thị Ph đổi với thửa đất số 212, tờ bản đồ số 5 xã Đ, diện tích 144m² (Thửa đất đã được UBND thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 03238 ngày 05/10/2016 theo hợp đồng đã được công chứng tại văn phòng Công chứng H; đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất của ông Th, bà T đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố xác nhận đủ điều kiện ngày 30.3.2017 và đến ngày 7/4/2017 UBND thành phố đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Th, bà T với diện tích 144 m² thuộc thửa đất nói trên theo quy định. Trình tự thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 79 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai. Do vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

+ Ý kiến của Ông Đặng Ngọc Tr: Năm 1982, vợ chồng ông có mua nhà của ông L, bà H và ở từ đó cho đến nay (lúc đó chỉ mua nhà chứ không mua bán đất đai) với diện tích đất hơn 1.300m². Năm 2004, ông Tr và những hộ liền kề xây hàng rào xung quanh thửa đất đến năm 2005 tiến hành tách thành 6 thửa đất và năm 2006 được cấp giấy chứng nhận cho sáu thửa đất gồm thửa 321, 322, 193, 323, 324, 325). Khi tách thửa, cơ quan tiến hành đo đạc có dùng thước dây để đo. Khi chuyển nhượng cho những người mua đất thì không chỉ ranh giới cụ thể mà chỉ làm thủ tục theo giấy chứng nhận đã được cấp. Năm 2010, ông Tr làm nhà tại thửa 210 (theo bản đồ mới, tờ bản đồ số 5) kiểm tra lại đất thì phía sau mỗi thửa đất không đủ theo thửa đồ. Vì vậy, đất ông M cũng không đủ theo

thẻ đỏ. Tổng các cạnh phía sau các thửa đất 39 m, vì vậy mỗi cạnh phía sau không đủ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ông Tr khi làm thủ tục tách thửa đo bằng thước dây nên không đúng kích thước. Khoảng năm 2016 – 2017, ông M lên xây hàng rào ông Tr không cho xây vì trước đó đã phát hiện ra các cạnh phía sau không đủ kích thước trong thẻ đỏ nhưng ông M vẫn xây. Bản thân ông già yếu nên không tham gia phiên tòa được đề nghị Tòa xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ buộc phía bị đơn trả lại phần đất lấn chiếm, kích thước phía sau 0,9 mét (thay vì 1,78 mét theo kết quả thẩm định) để đảm bảo cạnh phía sau thửa đất của ông 7,14 mét; giữ nguyên yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Th vì đã cấp chồng lên phần đất của ông. Khi ông mua đất của anh H thì thửa đất liền kề hiện ông Th, bà T sử dụng còn mang tên ông Tr, bà L, ông xây tường rào ông Tr không có ý kiến và sau đó bà Ph mua lại của ông Tr bà P cũng không có tranh chấp gì. Theo ông Tr trình bày ở bản tự khai ông Tr phản đối là không đúng vì nếu phản đối thì ông không thể đưa vật liệu qua cổng nhà ông Tr và cũng không thể dùng nước giếng của ông Tr để xây hàng rào; Buộc ông Th phải xây lại hàng rào giữa hai gia đình theo đúng nguyên trạng, cụ thể phần móng hàng rào sâu 0,3m, rộng 0,3 mét, phần tường cao 0,4m, rộng 0,15 mét, dài phần móng và phần tường dọc theo chiều dài thửa đất, nếu không xây thì phải trả tiền 15.000.000 đồng; phía bị đơn không nhất trí yêu cầu khởi kiện vì ông sử dụng đất theo đúng hệ tọa độ của bản đồ địa chính và đúng giấy chứng nhận đã được cấp. Ông Th thừa nhận khi mua đất của bà Ph đã có hàng rào của ông Tr xây dựng và bà Ph có chỉ đất từ hàng rào qua. Ông Th nhất trí xây lại hàng rào nếu có phán quyết của Tòa án là ông sử dụng đất không đúng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Theo kết quả thẩm định thì tổng phía sau các thửa đất thiếu so với kích thước ghi trong thẻ đỏ. Vì thế phía nguyên đơn chỉ đòi lại 0,9 mét, đề nghị phía bị đơn nên có thiện chí để hòa giải. Trường hợp hai bên không hòa giải được đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn đã được thay đổi tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được thay đổi tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 9 Điều 26 và khoản 1 Điều 34 Bộ luật tố

tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang M, bà Lê Thị C đòi lại đất bị lấn chiếm và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đỗ Trung Th và bà Trần Thị Tuyết T, Hội đồng xét xử thấy: Hai thửa đất ông Lê Quang M và ông Đỗ Trung Th được cấp giấy chứng nhận có nguồn gốc từ thửa 212, tờ bản đồ số 5, chủ sử dụng đất là ông Đặng Ngọc Tr theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 197646 do UBND thị xã Đ cấp ngày 21/9/1990. Năm 2006, ông Tr tách Th 6 thửa gồm các thửa 321, 322, 193, 323, 324, 325. Thửa 321 kích thước cạnh phía trước 7,2 mét, phía sau 8 mét ông Tr chuyển nhượng lại cho anh H, anh H chuyển nhượng cho ông M. Thửa 322 kích thước phía trước 7,2 mét, phía sau 7,2 mét, ông Tr chuyển nhượng cho bà Ph (năm 2014), bà Ph tặng cho bà P và bà P chuyển nhượng cho anh Th, chị T (năm 2017) và ông Th, bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 515466 thửa 212, tờ bản đồ số 5 xã Đ, thành phố Đ. Theo ông Tr trình bày, trước khi ông tách thửa, ông đã xây bức tường phía Tây – Bắc giáp thửa 178 của bà N. Năm 2011, sau khi nhận chuyển nhượng của anh H, ông M đã xây hàng rào ở phía Đông – Nam giáp thửa 322 (tại thời điểm đó thửa 322 mang tên ông Tr, bà L). Theo ông Tr trình bày khi ông M xây hàng rào, ông Tr ngăn cản nhưng không có chứng cứ gì về việc ngăn cản. Mặt khác ông M trình bày khi ông xây hàng rào vận chuyển vật liệu qua cổng nhà ông Tr, dùng nước giếng nhà ông Tr để xây dựng. Nếu ông Tr ngăn cản thì ông M sẽ không xây dựng được. Vì vậy, lời trình bày của ông Tr về việc ngăn cản ông M xây hàng rào là không có căn cứ. Chính anh Th cũng thừa nhận khi mua đất có đến xem đất và đã thấy hàng rào ông M xây và bà Ph cũng chỉ ranh giới cho ông đất tính từ hàng rào ông Tr sang. Lý do anh Th không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bởi vì giấy chứng nhận anh được cấp năm 2017 trùng với bản đồ địa chính được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt năm 2012, anh Th sử dụng đúng đất theo giấy chứng nhận đã được cấp. Tuy nhiên, theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đồng Hới cung cấp thì không có kết quả trích đo các thửa đất làm cơ sở cho việc xác lập bản đồ địa chính. Hơn nữa, bản đồ phê duyệt năm 2012 nhưng năm 2011 ông M đã xác lập ranh giới bằng việc xây tường rào phía Đông Nam có kích thước chiều rộng phía sau 8 mét đúng với giấy chứng nhận ông đã được cấp. Theo bản đồ địa chính đã được phê duyệt thì kích thước cạnh phía sau của thửa đất ông M 6,24m là không phù hợp với hiện trạng sử dụng đất và không phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố Đồng Hới cấp cho ông M.

Việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình phê duyệt bản đồ địa chính năm 2012 đối với thửa đất ông M là không đúng với việc cấp giấy chứng nhận, không phù hợp với hiện trạng sử dụng đất. Trong quá trình làm thủ tục cấp giấy chứng nhận cho anh Th, chị T cơ quan có thẩm quyền không tiến hành xem xét, thẩm định hiện trạng sử dụng đất theo đúng quy định. Vì vậy có việc cấp giấy chồng lên đất của chủ sử dụng khác.

Từ những nhận định trên, thấy rằng yêu cầu khởi kiện của ông M buộc ông Th, bà T trả lại đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Th, bà T là có căn cứ, cần chấp nhận; Buộc ông Th, bà T phải xây lại hàng rào có đặc điểm như các bên đã thỏa thuận. Diện tích đất buộc ông Th phải trả lại theo kích thước, tọa độ trên sơ đồ kèm theo bản án. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, ông M, bà C đến cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định; Ông Th, bà T đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có trách nhiệm chỉnh lý bản đồ địa chính các thửa đất phù hợp khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về chi phí thẩm định: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu chi phí; Bị đơn ông Th, bà T phải chịu chi phí thẩm định 5.000.000 đồng. Ông M đã nộp tại Tòa nên buộc ông Th bà T phải giao lại cho ông M 5.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Ông M, bà C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Th, bà T phải chịu án phí DSST theo luật định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 34; khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai 2003, khoản 1 Điều 3, Điều 30, 31, 34, 96, 98 Điều 188, Điều 203 Luật đất đai năm 2013 và Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang M, bà Lê Thị C buộc ông Đỗ Trung Th, bà Võ Thị T trả lại diện tích đất 8,12 m² đang được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 515466 tại thửa 212, tờ bản đồ số 5 xã Đ vì cấp chồng lên thửa 322, tờ bản đồ 16 xã Đ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình mang tên ông Lê Quang M, bà Lê Thị C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 543346 ngày 15/9/2011. Phần chồng lấn được xác định từ điểm 2 đến điểm 8 đến điểm 9, các điểm được xác định theo tọa độ được ghi rõ trong sơ đồ là một phần không thể thiếu của bản án; Ranh giới thửa đất của ông M, bà C và thửa đất của ông Th, bà T được xác định là đường thẳng từ điểm 2 đến điểm 8 đến điểm 6; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 515466 ngày 7/4/2017 do UBND thành phố Đồng Hới cấp cho ông Đỗ Trung Th, bà Võ Thị Tuyết T để cấp lại theo đúng quy định; Buộc ông Đỗ Trung Th, bà Võ Thị Tuyết T phải xây lại hàng rào bằng bờ - lô mà ông bà đã phá dỡ của ông M, bà C, cụ thể phần móng hàng rào sâu 0,3mét, rộng 0,3 mét, phần tường cao 0,4m, rộng 0,15 mét, dài phần móng và phần tường dọc theo chiều dài thửa đất.

Ông M đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định; Ông Th, bà T có nghĩa vụ đến cơ

quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Th phố Đồng Hới chỉnh lý bản đồ địa chính đối với các thửa đất 321, 322 theo đúng quy định.

2. Về chi phí thẩm định, định giá: Ông Th bà T phải chịu 5.000.000 đồng; Ông M, bà C đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định, định giá, vì vậy buộc ông Th, bà T phải giao lại cho ông M, bà C 5.000.000 đồng.

3. Về án phí: Ông M bà C không phải chịu án phí sơ thẩm. Buộc ông Th, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa cấp cao Đà Nẵng xét xử phúc thẩm lại. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Từ Thị Hải Dương

